

BÀN VỀ ĐỒ MÃ

Dở xem thế giới sử, sẽ thấy cả toàn cầu vạn quốc, thì nước nào cũng vậy, hễ văn minh đã tiến lên bao nhiêu; tất đã man phải sụt xuống bấy nhiêu; đó cũng là một cái công lệ bởi trò đời thiên diễn. Những sinh vật giữa vũ trụ, đều có cái sức mạnh vô hình nó cạnh tranh phấn đấu với nhau, nên chi hễ mạnh được yếu thua, khôn sống bống chết, đặng đưa đến bước đường tiến thủ, để thành lập trên trường thiên nhiên tiến hóa, nên gọi là thiên diễn.

Dân tộc Việt Nam ta gần trăm năm lại đây, đã hấp thụ được những phong hóa trào lưu mới, từ bên Âu Mỹ truyền sang; thành thử dân trí ngày một mở mang, tục lệ ngày càng sửa đổi. Đối với giấc mộng mơ màng mê muội nghìn xưa, hiện nay cũng đã đôi ba phần cắt đứt được bức màn vô minh, mà đưa tâm con mắt mở rộng trên con đường tỉnh hồn giác ngộ.

Tức như các nhà trí thức đã biểu đồng tình về một việc hô hào tẩy chay đồ mã đó, đủ làm cho chúng ta chứng nghiệm.

Kìa như bên Trung Hoa, từ dân quốc cách mạng, chính phủ ra huấn lệnh cho nhân gian biết, nên bỏ cái hủ tục đồ mã ấy đi. Nước ta, tại Huế, triều đình đã ra lệnh thôi đốt đồ mã trong việc tế tự: ở Bắc Việt, tỉnh Thái Bình, cụ Thượng thư Văn Đình đã thi hành bỏ đồ mã. Các báo chí đã cực lực bài trừ đồ mã. Vì đã vô ích, lại còn tổn hại nhiều bề cho vật chất lẫn tinh thần của giống nòi là khác! (*Sự thiệt hại ấy xin để sau này sẽ bàn*). Bây giờ đây, xin dẫn nguyên do lai lịch của sự dùng đồ mã.

NGUỒN GỐC CỦA ĐỒ MÃ.

Từ phong hóa, chính trị, cho đến Tôn giáo của nước ta đều chịu ảnh hưởng của nước Trung Hoa cả; nên có bàn đến việc gì đã có trong nước ta, tưởng cũng phải phăng cho tận gốc, xét cho thấu nguồn của việc ấy, thì nguyên do của Trung Quốc truyền qua, ai cũng nhìn nhận như vậy không chối gì nữa.

(1) Từ có sách, giấy, tờ về trước, là thời đại Thượng cổ. Nên kinh Dịch nói: “Đời Thượng cổ làm việc bằng cách cột gút dây”. Nay lịch sử ghi từ đời Hồng Hoàng đến Tam đại Thượng cổ; Âu châu từ trước kỷ nguyên đến nước tây La Mã diệt vong, là Thượng cổ...

Nguyên nước Trung Hoa, về đời Thượng cổ ⁽¹⁾, người chết, thì lấy cây củi bó giát lại rồi khiêng ra để ngoài đồng không mông quanh, chớ chẳng chôn, không táp, mã, dựng kia chi cả; thấy trong kinh Dịch nói như vậy. – Đến đời vua Hiên Viên Hoàng đế (2697 trước Dương lịch), cử ông Xích Tương làm chức Xuân quan mộc chính; ông mới chế tạo phát minh ra quan quách. Sách Sử Ký nói như vậy.

Về sau, cái lễ đối với người chết, ngày càng thêm hậu, nên chi nhà Hạ (2205 trước Dương lịch) nắn đất ra làm cổ, bàn... lấy tre, gỗ làm các đồ khí cụ, như là đàn, địch, kèn, bông, trống, phách, chung, khánh v.v... gọi rằng đồ minh khí để chôn theo với người chết, nên cũng gọi là quỷ khí. Nghĩa là những đồ đặc để dùng của thần minh ma quỷ; trong sách Lễ Ký chép như vậy. Đó, cái nguyên lai dùng đồ mã là từ đấy. ⁽¹⁾

Đến nhà Ân (1765 trước Dương lịch) đối với người đã từ trần, thì không làm như trước nữa. Nghĩa

(1) Cái danh “đồ mã” xuất hiện truyền đời, nguyên gốc ở sách Thiên Hương lầu Ngẫu Đắc nói: Tục truyền, trên giấy họa hình tượng Thần nhơn mà cũng gọi là “giáp mã” cho rằng Thần linh nương tờ giấy, cũng như người ta nương con ngựa. Và sách Vũ Lâm Cự Sự nói: Các hình, ngựa, lầu kho... in trên giấy kêu là đồ mã.

là không chôn minh khí mà lại chôn tế khí (*các món hào soạn toàn là đồ thực dụng trong khi cúng quảy*) là đồ thực dụng cả. Đó là sách Lễ Ký ghi như vậy.⁽¹⁾

Số người sanh sản càng ngày càng đông nhiều, các thứ vật dụng là đồ thiết (*tế khí tế phẩm*), phải để cung cấp cho người sống, mà hạn chế bớt đi, nên nhà Châu (1122 trước Dương lịch) lại phải chia ra làm hai bậc, nghĩa là bậc quới và bậc tiện: Quới là từ quan Đại phu, lên đến Thiên tử, thì được dùng cả quỷ khí (*đồ giả*) và đồ thiết (*tế khí*); bậc tiện là từ sĩ phu xuống đến thứ dân, thì được dùng một thứ quỷ khí mà thôi. Đó là lời chép trong sách Châu Lễ.

Quá chán ngán cho cái chính thể độc quyền áp chế của quân chủ nhà Châu: tiết kiệm thì, bắt buộc dân chúng phải tuân theo lễ phép của nhà Hạ (*đồ giả*), mà vua cùng các quan lại thêm xa hoa tàn nhẫn! Thậm chí bình nhựt mà vua yêu dấu vợ, con, tôi, hầu nào, thì sau khi vua chết, mấy

(1) Sách Vân Lộc Mạng Lục nói: Xưa dùng “Minh khí”, chữ minh là sáng, chữ khí là đỏ; Ý rằng Đỏ của Thần minh dùng.

Nay, người ta lấy giấy làm ra các hình, gọi là minh khí; chữ minh là mờ, là đỏ của dưới minh phủ dùng. Giấy tiền, vàng, bạc gọi là minh tài, minh khố. Chữ minh là mờ do gốc chữ Tây Hán Vũ đế, như: minh y, minh đường, minh mã.

người ấy đều bị chôn sống theo vua cả, thế gọi rằng tuần tán. Cái ác tục này, chẳng những một Thiên tử, đến các vua chư hầu đều cùng tuần tán như thế cả.

Sách Tả Truyện chép rằng: năm Văn Công thứ sáu, vua Tần Mục Công tên là Háo Nhâm chết; ba anh em họ Tử Xa đều bị chôn sống theo vua, vì nhà vua lúc sanh tiền yêu thương ba người ấy. Nhân dân trong nước tỏ lòng thương tiếc, nhưn đó làm ra ba bài thơ “Huỳnh điệu”. Thơ Huỳnh điệu thuộc về Tần phong, trong thơ đại ý nói: *«Thùy tông tuần hề Tử Xa tam nhưn, như khả thực hề, nhưn bách kỳ thân»* nghĩa là: ai chết theo Mục Công, ba anh em họ Tử Xa, là, Yên Lức, Trọng Hành và Châm Hồ, ba người mà tài trí đức hạnh gấp trăm nghìn người, trời đất, quỷ thần. Than ôi! Sao nỡ giết sống, nếu mà chuộc đặng, thì ba trăm người như chúng tôi xin vui lòng chết thế cho.

Chao ôi! Dã man tàn khốc còn gì rằng! Nhân dân đã biết cái tục chôn sống là một cái thói vô nhưn đạo, nên đến đôi phải kêu gào trời đất như

(1) Sô linh: Bó tranh sen làm hình nhưn súc vật... để tuần tán. Kinh Lễ ghi lời Khổng Tử nói: làm bằng cỏ thì có thể được, làm bằng gỗ thì bất nhưn lắm!

thế, lẽ tất nhiên là phải tìm vật khác để thay vào; nhân đó, mới tạo ra sô linh ⁽¹⁾ là một thứ người làm bằng cỏ. Bằng cỏ thì không có chi là mỹ thuật, hơn đó, lại chế tạo ra bằng gỗ gọi là mộc ngẫu hay gọi là đồng, trong sách Liệt Tử, Thiên Khang Vân chép rằng: Mộc ngẫu có từ đời Chu Mục Vương (1001 trước Dương lịch) do ông Yến Sư ⁽¹⁾ phát minh.

Rất ác cảm với người gỗ nên đức Khổng Tử bảo rằng: Kẻ nào tạo ra bồ nhin, là kẻ bất nhân. Lời đó chép trong sách Lễ Ký. Thầy Mạnh nói: *«Thùy tác dưỡng giả kỳ vô hậu hồ»*, nghĩa là: ai tạo tác ra bồ nhin là kẻ tuyệt tự. Vì bởi: Do cái ác tục từ chôn sống người thật, đến thay người giả bằng cỏ thiêng (*sô linh*), và người gỗ (*dưỡng: Bồ nhin*) nó cũng có tai, mắt, mày cử động hăn hoi, nên nói: *«Kẻ khởi đầu tác dưỡng kia, chắc sau này con cháu không khá nổi»!*

Từ đời Hán về sau, những người thượng lưu trí thức, ai cũng công nhận Khổng Tử, Mạnh Tử là thầy hướng đạo về Nho giáo, đối với việc làm mộc ngẫu để cúng cho người chết, mà hai ngài đã cự tuyệt bằng lời đau đớn thảm thiết như thế kia, thì

(1) Ông là thợ khéo, chế tạo ra người, súc bằng gỗ có máy móc cử động, để nhảy múa rạp theo tiếng ca hát của người...

ai lại còn dùng đến cái xấu xa đã bất nhơn và tuyệt tự ấy nữa!?

Đã thủ tiêu đồ mộc ngẫu rồi, thì người ta trở lại dùng toàn đồ thật cả, nghĩa là từ thẳng tôi, con hầu, đến nhà cửa, trâu ngựa, xe cộ, đồ ăn, thức chơi nhưt thiết đều là đồ thật, sau khi cúng tế rồi đem hết ra mộ, nhưng không chôn sống theo nữa, mà cho lưu cư ở tại mộ phần.

Đời Hậu Hán, vua Hòa Đế, hiệu Nguyên Hưng năm đầu (105 sau kỷ nguyên), có ông Thái Luân⁽¹⁾ bắt đầu chế ra giấy. Đó là sách Hán Ký chép như vậy. Từ đó đã có giấy rồi; sau đó, lại có ông Vương Dư chế ra giấy tiền vàng bạc, để thay cho tiền bạc thật trong lúc tang ma tế tự⁽²⁾.

Sách Pháp Uyển Chu Lâm chép rằng: Vàng

(1) Thái Luân ở đất Quế Dương, làm quan Trung Thường Thị, bắt đầu lấy vỏ cây, giẻ rách, lưới rách chế tạo ra giấy; đến nay, tại phía Bắc huyện Lai Dương, vẫn còn cái di tích chỗ ông làm giấy.

(2) Truyện Vương Kỳ biên: Từ đời Hậu Hán về sau, theo thói hủ tục, dùng tiền bạc bằng giấy làm liệm, chôn, cúng tế... Sách Chu Lễ biên: Các nơi thôn quê, mê tín theo lời của Bóng, Chàng, bảo: Sắm đủ rượu thịt phẩm vật kim ngân tiền chi để tế cái lễ "nuơng bạc", cúng rồi, để hết vào thuyền bè đưa ra sông có ý rằng trừ tai cầu phúc, cũng như xú tống án... thế thì tang tế dùng giấy tiền... từ đời Hán; cúng Thần dùng giấy tiền... từ đời Đường.

bạc giấy tiền sản xuất ra là từ quan Trưởng sử tên là Vương Dư đời Đường, dùng trong việc tang ma tế tự. Trong truyện Vương Dư chép rằng: Từ đời Hậu Hán, trong việc tang ma vẫn dùng tiền bạc thật, để chôn theo người chết; đến đời Đường, ông Vương Dư mới dùng tiền bạc bằng giấy thay vào, hoặc tẩn liệm, hoặc rải bỏ dọc đường, hoặc đốt đi. Đời Tống, ông Vương Viêm nói: Đến ngày Thanh minh, tu tảo phần mộ rồi, dùng giấy tiền vàng bạc, và các thứ giấy màu, để treo hay chôn nơi mộ; hoặc dùng áo mũ, giày, cùng các thứ khác bằng giấy, để cúng, hay thờ quỷ thần. Những lối dùng các thứ đồ bằng giấy đó, mới có từ đời Hậu Hán... Sách Thông Giám Cương Mục chép: Đời Đường, vua Huyền Tôn năm Khai Nguyên 26 (737 sau kỷ nguyên), vì nhà vua mê tín theo thuật quỷ thần, dùng người Vương Dư làm chức Thái Thường bác sĩ, để coi việc đốt giấy tiền vàng bạc trong khi cúng tế.

Giấy tiền, giấy bạc cùng các thứ giấy khác đã có, thì những cái lột bong hình như: vợ hầu, con cái, tôi tớ, cửa nhà, xe cộ, đồ đạc, vật dụng, áo quần, lục súc, cho đến nhứt thiết thứ gì cũng có như trước kia đã nói, để thay thế cho người gỗ hay người sống, kê bằng hình nhân thế mạng; lại nữa, trăm nghìn vật khác bằng giấy cũng gọi rằng “minh khí” mà

đồng thời xuất hiện liên miên, thành thử dân Trung Hoa đua nhau chuộng đồ mã.

Lúc đó, Phật giáo đương thịnh hành ở Trung Hoa, người Trung Hoa tìm cách lợi dụng đồ mã cho phổ cập dân gian. Nhân đó, ngày Rằm tháng Bảy, phong tục trong nước làm lễ “Trung nguyên” có nhà Đạo sĩ tên là Đạo Tạng, vào triều yết kiến vua Đường Đại Tông (762 sau kỷ nguyên), y tâu rằng: “Hạ thần nghe nói, hôm nay là ngày vua Diêm Vương dưới âm phủ xét định tội phước cho các tội phạm, và ân xá mở ngục; tha tù; vậy, xin Bệ hạ xuống lời thông sức cho nhân dân phải dùng “minh cụ” là các đồ mã, khấn rồi đốt đi, dâng cho vong hồn dùng. Lời ấy xuất trong kinh “Đạo Tạng” của Đạo Tiên, thế là đồ mã chiến thắng cả hai Tôn giáo, mà đưa chơn lý vui xuống vực sâu vô để ⁽¹⁾!

Không bao lâu, đối với đồ mã, người Trung Hoa lại có ý chán, những hàng đồ mã không tiêu thụ được mấy, vì ế ẩm. Cái nghề chuyên môn gia truyền

(1) Sách Đạo Tiên nói: Rằm tháng Bảy, Địa Quan xét định thiện ác của nhân gian; và các Thánh Thần đến địa ngục ân xá tội nhân. Lại nói, Rằm tháng Giêng thượng nguyên... Rằm tháng Bảy trung nguyên... Rằm tháng Mười, hạ nguyên... Tam nguyên, đều có 3 Quan Đại đế, tứ phước, xá tội, giải ách. Đó là Đạo Tiên bịa đặt, cúng rằm, khấn vái...

của họ Vương phải gần bị thất nghiệp. Bởi đó, con cháu của họ Vương, rán hết sức tìm mưu lập kế để chấn hưng trở lại. Sách Trục Ngôn Cảnh Giáo chép: Ông Vương Luân là dòng dõi của Vương Dư, là nhà nghề làm đồ mã và giấy tiền vàng bạc, đương đời vua Ấn Đế nhà Hán (một trong ngũ quý, 948 sau kỷ nguyên), Vương Luân vì muốn cái nghề của tổ phụ di truyền khỏi phá sản, liền lập mưu với một người bạn thân, cùng nhau thiết kế rất bí mật. Nghĩa là người bạn kia giả đồ đau ốm cho ai nấy đều biết, chừng bốn, năm bữa có tin “cáo phó” rằng va chết, hiện đã tẩn liệm vô quan tài rồi, chỉ đợi đến ngày giờ tốt là “di linh cửu táng an phần mộ”. Nhưng, kỳ thật, người ấy vẫn sống và mạnh khỏe như thường, tuy ở trong quan tài, nhưng vẫn có lỗ trống dưới đáy, để thở và hút đồ ăn uống. Đến ngày phát hành cất đám, lễ nhạc linh đình, phúng điệu nườm nượp, ông Vương Luân đem đối liên, giấy tiền vàng bạc, hình nhân thế mạng, cả đồ mã đến làm lễ tam phủ để cầu cho người bạn được may ra hườn hồn sống lại. Ủy, chà chà linh thay! Quan tài tự nhiên rung động, làm cho ai nấy mười mắt trông vào, cùng nhau dờ quan, người bạn quả nhiên sống lại, cảm ơn Vương Luân, và thuật chuyện cho công chúng nghe rằng: Chư vị Âm Thần đã nhận được bạc vàng đồ

mã, rồi, liền thả ba hồn bảy vía cho về. Đó rồi ai nấy đều tin phẫn phất, mà đồ mã và giấy tiền vàng bạc lại thêm nức tiếng.

Tìm xét tận nguồn gốc, khám phá thấu kế mưu, thì biết đó là cái hủ tục tập quán của Trung Quốc, cái thủ đoạn gian hùng của Vương Luân; nhưng cái cơ mưu đã bại lộ, cái hủ tục rõ ràng rồi, phàm là người có trí thức, lại dại gì còn bị lừa gạt mà lãng phí một cách vô lý!

Nước Việt Nam ta từ đời ông: Khúc Thừa Dụ, Khúc Thừa Thảo (906 sau kỷ nguyên) về trước vẫn ở dưới quyền nội thuộc⁽¹⁾ và đô hộ của Trung Hoa. Nghĩa là bắt đầu từ Tây Hán Vũ Đế sai người Lộc Bá Đức và Dương Bộc làm tướng, đem binh qua lấy An Nam... cho đến đời Ngũ quý, bấy giờ nước ta có ông Ngô Quyền giết tướng Tàu là Kiều Công Tiễn và Hoảng Thao đuổi quân Nam Hán về Tàu. Từ Tây Hán, chí Nam Hán, thử chung tính được 1050 năm.

(1) Một, đời Khúc Thừa Dụ, nhằm đời Ngũ quý bên Trung Hoa, chính là An Nam đời tiên Ngô Vương tên Ngô Quyền (939). Hai, nội thuộc 3 lần: 1. Từ Tây Hán Vũ Đế (111, trước Dương lịch) về sau, đến 39 năm sau kỷ nguyên. 2. Từ Đông Hán Quang Vũ (44, sau Dương lịch) đến Tam Quốc, Tây Tấn, Đông Tấn, Nam Bắc triều Từ Lương (544, sau Dương lịch). 3. Từ Tùy (603), tự thử chỉ chung, cộng là một ngàn 50 năm nội thuộc.

~~~~~

Bởi nội thuộc trong khoảng thời gian 1050 năm đó, nên chi, hễ phong tục Tàu có những gì, bất luận hay dở, phải trái, nước ta cũng phải bị quyền bắt buộc mà học tập tiêm nhiễm theo cả.

### THỬ XÉT TRONG VIỆC CÚNG QUẢI ĐỐT ĐỒ MÃ CÓ NGHĨA LÝ GÌ KHÔNG?

Những người đốt đồ mã để dâng cúng cho Phật, Thánh, Thần, Tiên, sự dâng cúng đó phải chăng cung kính, hay khinh mạn? Chúng ta thử nghĩ coi: Xét như Phật, thì trong khi còn làm Thái tử, sẵn có cái sự nghiệp phú hữu tứ hải, không thiếu một vật gì quý báu mà chẳng có của phụ vương sắp giao phó cho, thế thì Ngài là một ông vua cực kỳ giàu sang rồi. Đối với nhục nhằn phổ thông thường thức của nhân gian, thì ai cũng cho cái sự nghiệp đó là bực nhứt trên cõi đời. Nhưng Ngài cho sự nghiệp đó là món hữu hình hữu hoại, không sao bền chắc thường còn được. Ngài liền vứt bỏ đi như giũ bụi trần, mà quyết chí giải thoát để tìm chơn lý bất sanh bất diệt.

Sau khi tìm đặng rồi, thì hiển nhiên Ngài đã hoàn toàn một ngôi “Phú hữu vạn đức”, cho đến Thần thông, trí huệ, thấy đều viên mãn một cách cứu cánh Vô thượng.

Còn như các vị Bồ Tát, Thánh, Hiền, Thiên, Tiên, Long thần, cũng là những bậc đã tu nhơn tích đức tùy theo mỗi địa vị, đều có phước đức trí huệ Thần thông diệu dụng, không thiếu một món gì cả.

Xét lại chúng ta đây, còn là phàm phu, đem so với các Ngài, thì nào là của quý báu, phước đức, trí huệ, thần thông phép lạ ức triệu phần, mà chúng ta đã có dịp được phần nào chưa? Thế mà chúng ta dám cả gan đem toàn những đồ mã giả dối, xấu xa, hèn mạt bởi giấy má, hồ thiêu, a giao thúì làm ra, để dâng cúng cho các Ngài, sao mà vô lễ lắm thế. Nếu, các Ngài có thâu nhận đồ mã để làm gì? Máy người làm áo mao giày vớ đó, đã có so vừa cái thân, cái đầu, cái chân cẳng của các Ngài chưa? Nếu không vừa, hoặc nhỏ quá, hay ngắn quá, thì các Ngài đội, mặc, mang sao đặng? Đã không vừa, thì các Ngài bỏ đi, hay để vào đâu? Chúng ta đã biết máy anh làm đồ mã không so đầu, mình, cẳng của các Ngài, nên không vừa, các Ngài xài không đặng, mà phải bỏ đi; thì chúng ta mua chi cho tốn tiền! Dâng cúng chi cho thất lễ! Đối với các Ngài, thì chúng ta đây khác nào như kẻ: Nhà đột cột xiêu, thiếu sau huyệt trước, cơm không khảm miệng, áo chẳng kín thân, hằng ngày

vật lộn với công ăn việc làm, đầu tắt mặt tối, bỏ con nhỏ khóc đổ bong bóng mũi, cả ngày chưa có cơm sữa vào mồm; trong nhà đã là nghèo sát đất, khổ tận mạng đến thế, mà lại dám đi làm phách với ông nhà giàu sang (Phật, Thánh, Thần, Tiên), đem tiền của vật dụng giúp ông, tưởng rằng ông chẳng bằng mình, vì thiếu tiền tiêu, hụt đồ dùng. Đó, chư thánh giả thử xem coi, có quả sự thật như vậy không? Đối với chư Phật và các Thánh, Thần chúng ta khác nào người nghèo khổ (*vì không phước đức, trí huệ*) kia, đối với ông nhà giàu nọ. Nếu chúng ta tự hào làm như vậy cho là cung kính các Ngài, nhưng thiết tưởng làm như thế chỉ là khinh dễ các Ngài, và bêu tiếng xấu cho các Ngài đó thôi. Vì chúng ta cho các Ngài là keo kiệt lắm, chầy túi không có tiền xài, trắng tay chẳng có vật dụng, phải nhờ chúng ta mới có tiền bạc đồ dùng, nên gọi là khinh dễ. Tưởng các Ngài cũng như bọn tham quan ô lại, thi vị tố xan, đối với kẻ tốt lẽ dễ kêu, đa kim ngân phá luật lệ: Thế, thật ra, là bêu xấu mà thôi, chứ nào phải cung kính. Đó, chư thánh giả xét cho rõ như thế, thì không còn lẽ nào dùng giấy tiền vàng bạc đồ mã để cúng Phật Thánh, Thần, Tiên nữa, vì vô nghĩa lý, quá ư phi lễ!

Trái lại, nếu chúng ta muốn được các Ngài

thương tưởng phù hộ, thì chúng ta phải giữ tâm thành thật, mở lượng nhân từ, thương xót người ngay, khuyến hóa kẻ ác, chấn bản cứu nạn, cùng là làm các điều từ thiện phước đức; làm như vậy, chẳng những hiện tiền đây, được gần mền xa trông, quan yêu dân chuộng, lại đặt thần khâm quý phục, và danh thơm tiếng tốt bìa truyền miệng thế, để mãi đời sau nữa. Nhứt là chúng ta noi theo cái thành tích đại công đại đức bởi tấm lòng chính đại quang minh của các Ngài, mà chúng ta tâm thể lực hành theo, thì có lẽ một ngày kia, chúng ta còn có thể cũng được cái địa vị như các Ngài là khác, chứ chẳng những chỉ được các Ngài thương tưởng phù hộ trong đời hiện tiền mà thôi.

### ĐỐT ĐỒ MÃ CHO VONG NHƠN CÓ NGHĨA LÝ GÌ KHÔNG?

Lối thường tình tương cảm của người đời: Vì lòng tương thân tương ái, vì nỗi sanh ly tử biệt, vì niềm thương tiếc nhớ nhung với nhau, thành thử muốn tỏ tấm lòng báo đáp cùng nhau; song, không biết xét suy làm việc chính đáng; lại làm theo lối mê tín dị đoan, như là: Đi khoa bói, cầu vía hồn, tin theo bóng chàng, mưu thần chúc quý, nào sát sanh để tâu rồi lo lót, nào là đặt mã để gởi nạp thế cho, cứ



nhắm mắt đi theo lối “xưa bày nay làm” không chịu xét điều phải lẽ trái.

Xin hỏi: Nếu quả ở dưới âm phủ có dùng các thứ đồ mã, thì các dân tộc ở trong vạn quốc khắp thế giới từ thuở chưa tạo đồ mã, cho đến ngày nay, đã biết bao là người chết, mà chỉ có nước Trung Hoa và nước Nam mấy nhà có người đốt đồ mã gửi xuống cho, thì vong giả của nhà ấy mới có mà xài dùng; còn các vong giả đời Thượng cổ là đời chưa có đồ mã, và các vong giả của các nhà trong các nước kia, dùng bằng thứ gì? Lại, đốt đồ mã, chỉ đốt nội trong tuần tự ba năm; đến bốn, năm năm về sau, không ai đốt cho nữa, thì vong giả phải dùng bằng thứ gì? Lại, đốt thì chỉ đốt những đĩa ở, con đòi, cá lục súc, chứ không đốt cơm, mắm muối, dưa, rau, cỏ, rơm rạ, thì người thế và sáu vật đốt xuống đó, chúng nó lấy gì ăn uống? Lại, dầu có gửi vật thực đốt theo, mà những hình nhơn súc vật đó, trong thân nó không có hai hàm răng, cuống họng, ruột non, ruột già cả ngũ tạng lục phủ là bộ máy tiêu hóa, thì làm sao chúng ăn được sống được? Dầu có ăn được, rồi làm sao chứa được và xuất xở? Vì không có bao tử và đường đại tiểu tiện, chắc phải chịu bí rồi chết mà chớ!

Lầu, kho nhà mình khí làm chừng bấy cao, cửa chừng bấy rộng, mà làm quần áo thì chừng bấy to bấy dài, giả như bận bộ quần áo lớn thế đó, làm sao vào lọt cái cửa nhỏ thế kia? Nếu vào không đặng, phải ở mãi ngoài trời mà chịu mưa nắng sao? Nhà khi ấy đem xuống để vào đâu? Đã có mua được vật ruộng đất nào chưa? Vậy, có phải làm thêm chuyện rắc rối, nhọc lòng khó liệu định cho vong giả không? Vì nhà không ở được, đất chưa khẩn đâu, biết để chỗ nào!?

Giấy tiền vàng bạc gởi cho vong nhân đó, đã có chữ ký của hai chính phủ (*âm phủ, dương gian*) chưa? Như có chữ ký rồi, thì lẽ tất nhiên, chúng ta đem giấy tiền, bạc ấy ra chợ mua chác, và đem đóng thuế cho nhà nước được, vì đã có chữ «*âm dương ngân hàng*». Còn như dương gian xài không đặng, thì âm phủ làm sao xài được? Vì không có hai chính phủ xác nhận cho thông hành, vong nhơn tất phải ở tù mà chớ, vì xài giấy bạc giả. Còn nếu nói “tiền ma gạo quỷ” thì dưới âm phủ xài đặng; thì ra cho ông bà cha mẹ đã quá vãng đó thành quỷ rồi sao? Thế ra gởi tiền bạc xuống để làm tội làm nghiệp cho vong nhơn rồi! Vì phải ở tù, đọa ma quỷ. Phạm là người có tấm lòng hiếu để biết tưởng đến ân nghĩa

của ông bà cha mẹ, mà nữ làm vậy sao?

Vả lại, làm tuần truy điệu, là ý muốn báo đáp cho vong linh, cúng Phật tụng Kinh, là cốt để cầu siêu về Tịnh độ, đã được siêu về Tịnh độ rồi, thì mỗi món gì cần dùng, muốn chi có nấy, vì là cảnh rất thanh tịnh, người toàn Thánh Hiền, khoái lạc vô biên, không một tí gì thiếu sót, nên gọi là An lạc và An dưỡng Tịnh độ. Thế mà lễ cúng thì dâng sớ cầu siêu về Tịnh độ, còn gởi đồ thì buộc vong nhơn phải xuống âm ty, để dùng đồ mã đó, thật là mâu thuẫn hết chỗ nói, vì nói một nơi, mà làm một ngã, có phải trống đánh xuôi, kèn thổi ngược đó không? Như vong nhơn được siêu sanh về Tịnh độ, thì đồ mã dưới âm phủ ai xài? Tất nhiên bỏ đi chứ gì? Hay là đem luôn về Tịnh độ? Vô lý. Vì Đức Thích Ca nói Kinh A Di Đà, có một đoạn như vậy: *«Bên nước ấy, hẳn không địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, rất đổi cái danh của ba thứ ấy cũng không có, huống chi có cái thật»*. Thế mà nay chúng ta gởi súc vật ấy cho vong nhơn đem về Tịnh độ, có lẽ Phật, Bồ Tát, Thánh Hiền đều lấy làm ngạc nhiên, lạ lùng lắm! Mà lại gây giống súc vật về bên nước ấy, thì ra uế độ rồi, chứ đâu phải Tịnh độ, vì cũng có súc sanh, không đúng như lời của Đức Thích Ca nói. Lại nữa,

ở Cực lạc Tịnh độ, mà còn phải nhờ của chúng ta ở cõi khổ Ta - bà gửi qua cho, mới có mà dùng, thì đâu phải là nước An dưỡng quốc, Cực lạc giới, vì còn thiếu thốn vật dụng như mây cối phàm phu. Những lều, kho, nhà minh khí, cho đến tiền bạc vàng giấy đó, nếu đem về Tịnh độ, thì có coi ra cái quái gì, vì Kinh nói: *«Trong nước ấy, lều, đài, cung, điện, đất cát, cây cối, nứt thiết toàn là ngọc vàng châu báu làm thành ra cả»*; chứ đâu phải như cây lá, ngói gạch, sắt đá làm ra nhà cửa cảnh vật ở cõi này, huống lại làm bằng giấy! thì có ra cái ôn gì với cõi “huỳnh kim vi địa”.

Lại một điều đặc biệt này nữa: khi làm lễ phàn mã, ông “thầy cúng” tay hươi cây hương, miệng đọc thần chú, rằng: “án a án á, biến thiếu thành đa, hóa vô vi hữu, sa số hằng hà” nghĩa là biến ít ra nhiều hóa không làm có. Mới nghe qua, chắc ai cũng cho ông thầy cúng ấy là một đại Tổ sư của nhà hóa học, có tài phép huyền diệu lắm, chứ chẳng vừa. Vậy, đương buổi kinh tế khó khăn này, chúng ta đem một đồng bạc để nhờ ông làm phép thư phù, đọc chú, khiến cho một đồng biến hóa ra ức triệu đồng, cho đến hằng hà sa số đồng đều được như chơi, vì “không” còn hóa ra “có” đặng, như lời ông đọc thần

chú đó, hưởng hồ “ít” hóa ra “nhiều”? Nếu hóa được vậy, thì toàn cầu nhơn loại đều nhờ ông, từ đây không còn ai phải chịu làm thân vất vả trên đường sinh hoạt eo hẹp nữa, thần kinh tế sẽ bị đẩy Côn lôn chung thân. Nhứt là ông thầy ấy kiến trúc một cái lầu cao nhứt thế giới, gần đặng cái nhà dưới của Ngọc Hoàng, chớ chẳng như cái lầu chộc trời mà thôi; để phòng khi ông đi cúng đám về, có mệt mỏi, muốn lên lầu nghỉ ngơi chơi, thì ông đứng ngoài sân làm phép: nào hút gió vo vo, nghiêng rằng trệu trệu, bắt ấn cái chách, dậm chân cái thịch, nhún mình xít một cái là đã vọt tuốt lên trên từng lầu cao tít mù. Ôi! Khoái biết chừng nào! Chứ đâu chịu lục tục, lẫn quẩn, chung lộn với chúng ta sát mặt đất cái này. Vì lời xưa đã nói: “Có tiền mua tiên còn đặng”, hưởng ông lại có tiền một cách biến hóa vô cùng, hằng hà sa số, thì làm chi chi chẳng được, hưởng chi một cái lầu?

Đáng khâm phục lắm, vì mới nghe qua, ai cũng tưởng ông thầy cúng đám này đủ quyền pháp linh thiêng, bởi có tài thiên biến vạn hóa, sẽ làm một đức Chúa tạo vật thứ nhì, xuất thân giữa đời thực tế khoa học vạn năng này, thì từ đây, về sau, chúng sanh trong thế giới sẽ nhờ ông mà được đại đồng

hạnh phúc biết dường nào! Nhưng khốn nỗi! Mắc điểm, bị lừa rồi! Bới xét lại thì, biết ông thầy cúng ấy chỉ có cái tài nói dốt láo, vì nói có không hữu danh vô thực, bởi không biến hóa được nhưt điều nhưt xu nào cả, rõ ràng chính là một ông nhà nghề cúng đám hạng bét, đương sống trong cuộc đời mê tín, dị đoan, hủ bại thiên cổ, thì xưa nay các chủ đám đều bị mấy ông ấy, mà hao tài tốn của chẳng ít!

Về Nhân thừa Phật học, đại khái Phật dạy rằng: Phàm là người hiếu tử thuận tôn, có lòng nhiệt thành, muốn làm phước độ vong, thì phải làm thế này: tùy lực làm việc từ thiện, như là chẩn bản, cứu khổ, tàn tật, ốm đau, mồ côi, già yếu mà không ai cấp dưỡng; bắt cầu, đắp đường, thí thuốc, thí nước, làm nhà nghỉ mát giữa đường, trồng cây trái theo lộ; đó là bề ngoài, còn trong thì, cả nhà trai giới, niệm Phật tụng Kinh, thí thực cô hồn, để đem công đức ấy hồi hướng cho vong giả... được phần tế độ, thế là báo ân báo hiếu, mà âm siêu dương thái. Trái lại, nếu miệng nói một đằng, tay phan một ngã, khác nào trồng giống bòn hòn, muốn thành cam mật, thì thành thế nào được.

Để số tiền lãng phí về đồ mã, vàng mã của một

người cho đến ức triệu người, từ một năm đến nhiều năm đó, dự trữ vào kho cứu tế hội phước thiện; phòng khi trong xứ có xảy ra cơn thiên tai, như họa, thì xuất khoản tiền đó ra, đặt chẩn cấp cho đồng bào trong khi ngặt nghèo khốn khổ, miếng khi đói, bằng gói khi no, há chẳng phải một nghĩa vụ rất hay, rất ích lợi đó không?

Lại nữa, số tiền dự trữ trong công quỹ cứu tế đó, ước chừng 5 năm, đã có hàng trăm hàng nghìn triệu đồng, vì số người 25 triệu, trừ ra phần ít (Thiên Chúa, Tin Lành, Tân học), còn phần nhiều đều có đốt vàng mã; mỗi nhà một năm ít nhứt cũng tốn bốn năm đồng bạc; vậy thì, lấy số quân bình, một người một đồng góp lại chừng 5 năm, tất thành ra số lớn nói trên; đem số lớn đó ra, hoặc mua ruộng, lập trường, lập xưởng công nghệ, rước thầy thợ chuyên môn dạy học nghề này, nghiệp nọ, ước chừng 10 năm, đồng bào ta như đó mà mở mang nghề nghiệp, phát đại hiển tài, quốc phú dân cường, cho đến chi chi nữa là khác.

Việc lợi ích chung lớn lao trước mắt như thế, mà chúng ta không chịu làm, lại làm chi cái điều lãng phí vô ích, thì bảo sao đồng bào ta không hèn mạt, không nô lệ, không chịu vầy đập dưới gót phú



cường, than ôi! Ngu đại lắm! Nhục nhã vô cùng! Hỡi ai là người có lòng biết suy nghĩ, xin mở rộng con mắt ngó xa, xét kỹ lại coi, có quả vậy không?!

### ĐIỀU THIỆT HẠI VỀ VIỆC ĐỐT ĐỒ MÃ

Tùy theo mỗi trường hợp công tác và thọ dụng, bất luận việc chi, hễ làm chỉ có ích cho phần mình, hay có ích cả mình lẫn người, đều gọi là có lợi. Trái lại, làm việc đã tổn cho mình, lại tổn đến người, thì gọi có hại. Xét như đồ mã đây, cả người làm ra, và người mua đốt, đều chẳng khỏi thiệt hại. Nghĩa là, người làm đồ mã, không phải sẵn có nguyên liệu, tất phải mua các màu giấy, cùng các thứ phẩm... nhưng mấy vật liệu ấy, phần nhiều là của ngoại quốc nhập cảng; bởi thuế nhập cảng mắc, thì họ phải giá cao; người thợ mã mua về, mới có nguyên liệu để làm đồ mã. Vậy, cả Nam, Trung, Bắc biết bao là thợ mã; số tiền mua các màu giấy, phẩm đó, mỗi năm ước có bạc triệu lọt ra ngoại quốc. Vì thế mà thêm một phần nghèo cho nước nhà của đồng bào! Vậy có phải thiệt hại không?

Các nhà thợ mã ấy, đã không làm được những vật thực dụng tinh xảo của đời thực tế này, để giúp thêm kiến thức về tinh thần, đỡ bớt phần đói khát về vật chất cho đồng bào, thì chớ; mà lại làm những

đồ giả dối đê hèn, cứ duy trì bảo thủ mãi cái thói hủ tục nhảm nhí, đã chẳng phát triển được trí thức cho mình và người, không tiến bộ được văn minh cho nhà và nước; lại còn đem ra gặt gẫm đồng bào là khác, vì bán đồ giả, lấy tiền thật, làm cho tàn rụi tinh thần, hư hỏng vật chất của giống nòi Việt Nam như vậy, có thiệt hại không?

Vả lại, hàng năm cả tàu nọ tàu kia chở đầy giấy tiền giấy bạc giấy vàng đem bán cho nước ta; rồi, chở đầy nhóc lúa gạo về nước người; mặc dù đổi chác với nhau, kêu bằng tiền trao cháo múc, nhưng xét kỹ ra, thì đổi chác một cách quá ư khờ dại, vì thứ nuôi sống đặng thì về người, thứ không ăn được thì về mình. Vậy có thiệt hại không?

Về phần người mua đồ mã: Các nhà giàu có, không chịu suy cùng xét cặn, bàn phải luận chẳng gì cả; chỉ vì cái quan niệm sanh ly tử biệt, chỉ theo cái tập quán xưa bày nay làm; thành thử trong gia sản có những vật dụng gì, thì đặt làm đồ mã cho đủ những vật dụng ấy, ước chừng tốn phí có bạc trăm tiền nghìn, chớ chẳng ít; còn mấy nhà nghèo, cũng chỉ vì cái quan niệm, lối tập quán đó, thì đặt làm vài cái lều kho, đôi ba bộ quần áo, ít ra cũng tốn năm, sáu đồng bạc, mà sau khi đốt rồi, không thấy vong

giả về đem đi một món nào cả, thì đã chẳng giúp ích chi cho vong giả, lại tổn hại cho người sống. Vậy có thiệt hại không?

Đem số tiền thực dụng đó, mua lấy đồ giả dối kia, đã không đỡ đói đỡ khát gì được, lại rồi cuộc thành đồng tro tàn, bụi bay cùng sân; rất nguy nữa như bị gió bốc lửa lên cháy rụi cả, như chùa Minh Tịnh ở Qui Nhơn, về bữa cúng vía Quan Âm, tháng Sáu năm trước! Vậy có thiệt hại không!

Phải chi để số tiền lãng phí đó, mua bánh trái, cùng những đồ thực dụng, trước đã cúng được, sau lại ăn được; hoặc mua thứ chi có thể còn sanh lợi ra được mãi, như mua cây trái, ruộng đất, để thường năm có trái, huê lợi, cúng dâng nhiều năm, chẳng là có ích; cái này lại mua đồ vô dụng, thành ra đem số tiền ấy bỏ vào lửa, liệng xuống sông. Vậy có thiệt hại không?

Nay đã xét rõ ra cái lẽ giả chơn, lợi hại rồi, thì người làm ra đồ mã bán, người đem về đốt, cả hai đảng đều bị thiệt hại cả, vì một đảng thì cứ bo bo giữ mãi cái thói mê tín cho giống nòi; còn một đảng thì cứ luôn luôn làm tốn hao cho gia sản, vậy thì, ai lại khờ gì còn làm, còn mua đồ mã nữa, nếu các ngài là bậc trí thức!

Còn như lo rằng: thôi làm đồ mã, e các anh thợ ấy phải thất nghiệp? – Hồi trước nhiều nhà nấu rượu đế, để sinh nhai, đến lúc nha đoan cấm chỉ; vậy các nhà nấu rượu kia có thất nghiệp đâu, vì đổi qua nghề khác... Lại các anh chỉ làm nghề bài bạc, và các anh ăn trộm ăn cướp sinh nhai, nay bị cấm hẳn, thì mấy anh đồ bác đạo tặc ấy có thất nghiệp không? Nước ta, công nghệ hiếm hoi lắm, nếu Nam, Trung, Bắc các anh thợ mã ấy hợp tác với nhau chế tạo ra giấy, mực; thì cả Đông Dương các nhà in đều mua giấy mực của các anh, mỗi lợi ấy, mỗi năm có mấy trăm triệu đồng bạc chứ chẳng ít; chúng tôi cũng mua, để in kinh sách, đăng truyền bá Phật học. Vậy, các anh thợ ấy, không những đã làm một việc lợi dân ích quốc cho đồng bào, lại còn được cao môn phú hộ cho gia đình nữa; thế làm được như vậy, có phải công nghệ đã phát đạt, mà sự sống của các anh có chánh đáng không?

### GỎI KHO ÂM PHỦ TRẢ NỢ TÀO QUAN

Cái tục này, cũng bởi bên Trung Hoa đem nhập cảng vào. Sách Liêu Chí chép: Tục lệ nước Liêu, đến tháng Mười cả quan, dân trong năm kinh đem nạp các thứ lẫu kho vàng mã hội lại kinh sư. Đến ngày Rằm, nhà vua với quan nước Phiên, sắm sanh

rượu thịt lễ vật, tả một tờ trạng bằng thứ chữ của nước Phiên mà dâng cúng cho ông Thần ở núi Mộc Diệp, rồi, đốt kho vàng mã ấy, kêu bằng “ký khố”.

Đời sau, người ta bắt chước theo đó, lúc sanh tiền, cúng lễ “điền hườn”, gửi cho minh phủ, hoặc là để sau khi chết xuống đó lấy tiêu xài; hoặc là trả nợ Tào quan, để sau khỏi tù tội. Đó là tục lệ của nước Liêu bên Trung Hoa. Xét ra nước Liêu ở vào khoảng 996 năm trước Dân quốc bây giờ.

Trong sách dạy về chuyện điền hườn thiên khố nói như vậy: người sanh năm Giáp Tý, nguyên kiếp trước ở nước Lỗ, làm quan phụ tá... phạm người sanh năm Giáp Tý, đều thiếu nợ hai vạn ba nghìn quan tiền, và ba chục quyển kinh; nay phải trả vào kho thứ ba, giao cho ông chủ kho họ Đoài nhận. Người sanh năm Ất Sửu... cho đến người sanh năm Quý Hợi, mỗi tuổi, đời trước ở mỗi nước khác nhau, như Tề, Sở, Ngụy, Ngô... đời trước làm Sĩ, Nông, Công, Thương, Tăng, Ni, đạo tục... thiếu nợ, thiếu kinh mỗi tuổi mỗi khác, gửi trả nợ vào mỗi thứ kho, mỗi ông Tào quan khác họ với nhau; nhưng quanh đi quẩn lại cũng chỉ nội trong sáu chục năm, là từ Giáp Tý, chí Quý Hợi mà thôi.

Tào quan: thì lấy 12 chi, những chữ tương tự

với chữ Tý, chữ Sửu, cho đến chữ Tuất, chữ Hợi mà làm họ của ông Tào quan. Như: người sanh năm Dần, thì ông Tào quan họ Huỳnh, vì chữ Huỳnh tương tự với chữ Dần; sanh năm Sửu, thì Tào quan họ Điền, vì Điền tương tự chữ Sửu, sanh năm Mùi, thì Tào quan họ Chu, vì Chu tương tự chữ Vị (Mùi), sanh năm Mão, Tào quan họ Liễu, vì Liễu giống với chữ Mão; sanh năm Tuất, Tào quan họ Thành, vì thành giống chữ Tuất; sanh năm Hợi, Tào quan họ Viên, vì Viên giống chữ Hợi; v.v... rõ là ngụy, bịa đặt, lừa gạt.

Tỷ như cái lối trá hàng; nhứt thiên đường, nhị thiên đường, bốn lập trai, một lập trai... là nhãn hiệu tương tự nhau.

Thử hỏi: chúng ta là người nước Nam, nếu theo tục lệ nước Liêu bên Trung Hoa, mà gởi kho, thì gởi cho ông Thần ở núi nào? Vì nước Nam không có núi Mộc Diệp. Và viết lời trạng để dâng kho ấy, phải viết bằng chữ nào? Vì chúng ta không biết chữ của nước Phiên. Còn nhân dân bên Trung Hoa ở vào khoảng mấy đời trước nước Liêu, không có cái tục lệ gởi kho đó, thì, cát, hung thế nào? Còn cứ thêm mỗi tuổi từ “Tý, Sửu, Dần... phải trả nợ Tào quan, thì chỉ có người Annam với người Tàu

mới có chữ Nho kê bằng tuổi; Giáp Tý, Ất Sửu... còn các dân tộc ở các nước khác bên Âu, bên Mỹ chẳng hạn, không có chữ kê bằng tuổi Giáp Tý, Ất Sửu... đó; người ta chỉ nói rằng; tên A sinh năm thứ mấy trước Chúa giáng sinh; tên B sinh năm thứ mấy sau kỷ nguyên. Như thế, thì biết đâu tính số nợ thiếu là mấy? Tào quan họ gì? Gửi trả vào kho thứ mấy ở đâu? Vì các nước ấy không có thứ chữ Giáp Tý, Ất Sửu... thì lấy gì định nợ, đặt điều như bên Tàu? Cả các dân tộc ấy, không trả nợ thiên khố, điền hườn, đại hườn chi hết, thì sao? Toàn cầu nhân loại, ai sinh năm Giáp Tý, thì, cũng đều là đời trước làm quan phụ tá, đều ở nước Lỗ cả hay sao? Vô lý, vì cả hơn số nước Lỗ toàn là làm quan phụ tá, không ai làm dân sao? Trước khi chưa có nước Lỗ, thì người ta ở đâu? Vì chưa có nước Lỗ, mà cũng lắm người sinh năm Giáp Tý? Và kiếp trước làm chức nghiệp gì? Bên Tàu, từ Phục Hy về trước, chưa có văn tự kê bằng Tý, Sửu, Dần, Mão... thì lấy chi kể số nợ của tuổi kia? Mà những người sinh trong khoảng đời đó, không gửi kho trả nợ, thì thọ, yếu thế nào?

Số nợ ấy, ai là người đứng cho vay? Cho vay có giấy tờ chi không? Người vay để làm gì? Giả như 10



người đồng sanh năm Giáp Tý, như có vay, thì cũng có kẻ vay ít, người vay nhiều, cứ sao lại cũng chỉ thiếu nợ đồng một con số như nhau là sao? Còn cho vay, tất phải có kỳ hạn bao nhiêu năm? Mỗi năm lời mấy phân? Có chi làm bằng cứ? Ngộ như người vay mà ở vào nước văn minh, không tin sự đốt mã trả nợ thiên khố, thì đòi vào đâu? Bọn thực dân Pháp như các ông chủ hãng giàu có ở xứ này, mấy ông cũng sanh năm Giáp Tý... Quí Hợi, mà không trả nợ nạp kho chi cả, sao không thấy sở Tào quan nào đến đòi? Hay là Tào quan mượn mấy anh thầy bói cúng làm trưởng tòa để đòi giùm cho chăng? Còn đòi sao không đòi mấy người chánh tín, và đã tiến hóa, lại cứ đòi lẫn quần mấy người mê tín và còn hủ cựu là sao? Người nào có túi tiền còn nặng, trả được, thì chẳng nói chi; thoảng như kẻ nghèo tận mạng đi ăn xin, nằm đình ngủ chợ, hào bao rách đáy, không thể trả được, có phải thất công đi đòi không?

Người trả rồi, có lấy biên lai của ông chủ kho không? Nếu không, hoặc như ông quên đi, cho là chưa trả, thì làm sao? Những người đã gửi kho xuống âm phủ, vậy sở kho ấy có biên nhận không? Có biên lai cho không?

Người ta thường nói: Âm, dương đồng nhưt lý. Nghĩa là ở đâu cũng theo lẽ phải là lý công bình chánh trực. Cũng như ở dương gian, người ta gửi của vô nhà “Băng”, cũng phải có hình ảnh, chữ ký tên, giấy chứng nhận hẳn hoi, về sau, mới lấy được; chớ có phải dễ đâu. Nếu không chi làm bằng, thì sau khi xuống làm sao nhận được? Hoặc gửi vào kho nợ dưới âm phủ, sau khi chết, lại sanh về cõi khác trên dương gian, thì làm sao lãnh được? Nếu ở dưới không lãnh được, trên này con cháu tin rằng đã có gửi của trước rồi, không đốt gửi cho nữa, thì, vong nhơn lấy gì tiêu xài?

Còn một lẽ này lại rõ hơn, là: Ở các nước văn minh, không một ai trả nợ thiên khố, mà nước họ vẫn giàu mạnh, dân họ vẫn hùng cường, người họ vẫn sang trọng, nhưt nhưt sự gì cũng lấy lòng cả thế giới, thì sao? Còn Việt Nam, phần nhiều có người điền hườn gửi của, thế mà nước ta vẫn nghèo nàn, dân ta vẫn khiếp nhược, người của chúng ta phần nhiều còn quê hèn, hầu hết việc gì cũng đều thua sút với các nước Âu Mỹ, là sao vậy?

Xét những câu hỏi trên đó, hẳn không thể nào trả lời nổi, vì không một lý do nào có căn cứ để biện chứng. Thế đủ biết rằng: Cái tục gửi kho trả nợ là bởi lòng mê

tín thần quyền của nước Liêu bên Tàu thủ xướng. Gia dĩ các nhà nghệ sĩ làm tiểu thuyết, phụ họa, bịa đặt, chuyện ly kỳ, hoang đàng, cổ động, quảng cáo ra. Thậm chí mấy anh gian đạo sĩ lại biểu diễn vọng hành, để lợi dụng những người tham cầu mê muội, lâu ngày tập dờ thành hay, nhiều đời quen tục thành lệ, lần hồi lan rộng, truyền qua Việt Nam, mấy cậu tin ma sợ quỷ, bán Thánh buôn Thần, in sâu vào óc, cùng nhau hô hào hoạt động, làm đại lý cho cái tà thuyết của nước Liêu, mà hù nhát rủ ren làm hướng đạo cho đồng bào nước Việt. Ôi! Một xẩm dất bộn mù, đi quanh quẩn mãi trong vòng âm u chưa khai hóa. Rất khốn hại! Ai là người có tai mắt, nghe thấy đồng loại như thế, lại nỡ nào chẳng thương tâm thảm mục !?

Nay muốn cải cách cái hủ tục ấy, tưởng các Ngài nên làm việc chánh đáng. Nghĩa là nếu các Ngài có hy vọng để của và phước qua đời sau, thì xin làm như thế này: Người nào nghèo túng lắm, không tiền làm phước; thì dùng lời hay lẽ phải, chuyện tốt điều nên, mà giảng diễn khuyến hóa, chỉ vẽ cho những kẻ đương hung hoang, lầm lạc, để họ hồi tâm hướng thiện, yên vui với nhau; thì lối kết quả thiện cảm sau này kể sao cho xiết. Người mà trước kia mỗi

năm gởi vào cái kho đó; từ đây, để số tiền ấy cho mấy kẻ đương lúc đói không cơm ăn, đau không thuốc uống, thế cũng là phước lắm rồi, vì khó với khó giúp nhau mới thảo. Người có thể lực, mỗi năm về sự đốt kho vàng mã, tốn có hàng nghìn hàng trăm; nay để số tiền ấy làm các việc phước thiện, mở mang các công nghệ, để cho đồng bào có công ăn việc làm, kẻ lao động bần khổ có chỗ nơi nuôi sống. Và lại, số tiền ấy đã không mất vốn, mà còn nảy nở mãi lời lãi ra nữa, thì quả phước sau này, hưởng sao cho hết. Đó là cái lẽ trồng cây, để sau ăn trái, là việc nên thực hiện, mà sao không làm, lại làm việc của đốt ra tro; khác nào đem giống đồ vào lửa, trút xuống sông, thì làm gì có cây trái để sau này hưởng?

### KẾT LUẬN

Tóm lại, những cái thuyết: chôn đồ, đốt mã, gởi kho, là cái hủ tục bởi bệnh mê tín của một số người nước Trung Hoa truyền qua Việt Nam; chớ nguyên lai Đạo Phật, Đạo Nho không bao giờ có.

Xét như Kinh Vu Lan Bồn, thì Phật dạy sắm những đồ thực dụng, trước cúng Tam Bảo, sau dâng chúng Tăng, để cầu siêu cho “thất thế phụ mẫu”; chứ không nói đến một vật giả gì hoặc

chôn, hoặc đốt.

Trong kinh Lễ, thì đức Khổng Tử quả rằng: “Ai bày ra hình nhơn thế mạng để chôn theo người chết đó, là kẻ bất nhơn”.

Thầy Mạnh cũng nói: “Ai làm ra mồ nhin con gổ bởi cái lệ chôn sống người, là kẻ tuyệt tự”.

Ông Vương Nhựt Hưu là tiến sĩ, làm quan đến chức Quốc học sĩ, ông cũng nói: “Đã khảo cứu hết kinh sách, không thấy chỗ nào có sự gởi kho, và trả nợ trong Đạo Phật”.

Vậy hiện nay, chúng ta đây: Người thì giữ Đạo Nho, là một đạo thờ kính ông bà, cha mẹ: người thì học Đạo Phật là một đạo tự giác giác tha, phổ độ chúng sanh; có lẽ nào lại làm những cái ác tục mà Đức Thích Ca và Khổng Tử không làm ??

